

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 2
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	3 – 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 – 38

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020.

### **1. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Hosono Kyohei	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Huy Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Thành viên
Ông Vũ Hoàng Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Tổng Giám đốc	
Bà Vương Vân Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Khang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Ngọc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/11/2020

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Lê Thắng	Trưởng ban KS	Bổ nhiệm ngày 19/10/2020
Ông Trần Đức Thanh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 27/10/2020
Bà Đặng Thị Hà Giang	Thành viên	

#### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Thúy Hằng                      Tổng Giám đốc

### **2. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **3. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



---

**Vũ Thị Thúy Hằng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2020





Số: 082/2020/BCSXHN-PB.00388

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 11 năm 2020, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 09 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020, khoản mục phải thu khách hàng ngắn hạn bao gồm số tiền 59.314.807.118 đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền 14.944.250.000 đồng và khoản mục phải thu khác ngắn hạn bao gồm số tiền tạm ứng 16.699.616.839 đồng tồn đọng lâu ngày không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 03 năm 2016. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu, trả trước và tạm ứng nêu trên. Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu và tính đầy đủ của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng và tạm ứng nói trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020 hay không.

### **Kết luận ngoại trừ**

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại ngày 30 tháng 09 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu khách hàng với giá trị là 59.314.807.118 đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền 14.944.250.000 đồng và khoản mục phải thu khác ngắn hạn bao gồm số tiền tạm ứng 16.699.616.839 đồng, đồng thời ngoại trừ về tính chính xác của giá trị dự phòng đã trích lập đối với các khoản phải thu này do không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán.



**Phạm Tuấn Vũ**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2030-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

– CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2020



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/09/2020 VND	01/04/2020 VND
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>351.031.367.844</b>	<b>318.527.899.494</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>71.878.060.505</b>	<b>40.374.366.307</b>
1. Tiền	111		12.878.170.168	9.074.366.307
2. Các khoản tương đương tiền	112		58.999.890.337	31.300.000.000
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>-</b>	<b>11.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	11.000.000.000
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>171.753.837.906</b>	<b>141.310.866.258</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	488.590.113.586	498.835.188.012
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	351.789.357.692	322.125.054.912
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		999.242.500	999.242.500
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	518.096.436.081	515.228.709.194
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.187.721.311.953)	(1.195.877.328.360)
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>105.228.192.341</b>	<b>123.159.626.325</b>
1. Hàng tồn kho	141		146.688.171.977	165.079.842.297
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41.459.979.636)	(41.920.215.972)
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.171.277.092</b>	<b>2.683.040.604</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	895.050.299	1.354.265.892
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.266.226.793	968.779.634
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	10.000.000	359.995.078
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>295.613.058.466</b>	<b>319.329.369.093</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.255.204.413</b>	<b>2.748.846.924</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.255.204.413	2.748.846.924
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>278.722.406.600</b>	<b>288.141.406.330</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	276.028.670.513	287.789.207.196
- Nguyên giá	222		853.676.810.665	860.578.337.587
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(577.648.140.152)	(572.789.130.391)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	2.693.736.087	352.199.134
- Nguyên giá	228		3.414.437.980	923.000.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(720.701.893)	(570.801.346)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III/ Tài sản dở dang dài hạn</b>			<b>626.930.163</b>	<b>10.347.850.300</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	626.930.163	10.347.850.300
<b>IV/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>4.520.000.000</b>	<b>4.520.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		750.000.000	750.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		110.750.000.000	110.750.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(111.500.000.000)	(111.500.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		4.520.000.000	4.520.000.000
<b>V/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.488.517.290</b>	<b>13.571.265.539</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	10.384.897.840	13.444.550.978
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		103.619.450	126.714.561
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>646.644.426.310</b>	<b>637.857.268.587</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/09/2020 VND	01/04/2020 VND
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>114.892.320.793</b>	<b>106.479.095.588</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>87.503.882.787</b>	<b>81.697.385.416</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	47.076.871.287	49.538.681.349
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.319.594.775	4.937.297.264
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.199.538.622	303.909.416
4. Phải trả người lao động	314		164.341.460	62.659.805
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	27.397.710.296	24.334.147.777
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.173.764.380	1.057.567.838
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	1.780.000.000	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.392.061.967	1.463.121.967
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.388.438.006</b>	<b>24.781.710.172</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	22.520.004.022	24.781.710.172
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	4.868.433.984	-
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>531.752.105.517</b>	<b>531.378.172.999</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>531.752.105.517</b>	<b>531.378.172.999</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		402.288.328.850	402.288.328.850
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.211.235.252	19.211.235.252
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.014.749.168.585)	(1.015.123.101.103)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.015.123.101.103)	(1.017.919.129.980)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		373.932.518	2.796.028.877
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>646.644.426.310</b>	<b>637.857.268.587</b>



Vũ Thị Thúy Hằng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2020

Lê Thị Hà Thanh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa  
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	197.193.192.066	261.817.343.992
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	81.565.602	2.931.810
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		<b>197.111.626.464</b>	<b>261.814.412.182</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	153.042.098.974	209.310.992.014
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>44.069.527.490</b>	<b>52.503.420.168</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	1.851.010.124	1.581.860.515
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.350.043.516	184.174.990
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		148.765.953	9.038.195
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	33.906.388.471	38.382.000.704
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	7.813.702.103	19.049.379.053
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>1.850.403.524</b>	<b>(3.530.274.064)</b>
11. Thu nhập khác	31	6.8	2.680.482.879	8.132.154.085
12. Chi phí khác	32	6.9	4.083.951.733	742.554.148
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>(1.403.468.854)</b>	<b>7.389.599.937</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>446.934.670</b>	<b>3.859.325.873</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	49.907.041	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		23.095.111	(96.000.241)
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>373.932.518</b>	<b>3.955.326.114</b>
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		373.932.518	3.955.326.114
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	3	35



Vũ Thị Thúy Hằng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2020

Lê Thị Hà Thanh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa  
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

## **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>446.934.670</b>	<b>3.859.325.873</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	38.920.177.989	39.163.099.071
- Các khoản dự phòng	03	(8.687.312.743)	4.093.664.439
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	61.345.985	(241.806.609)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	910.502.663	(115.931.174)
- Chi phí lãi vay	06	148.765.953	9.038.195
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>31.800.414.517</b>	<b>46.767.389.795</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(19.869.126.743)	(732.535.660)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	18.391.670.320	2.956.316.991
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	1.844.572.249	(30.953.148.413)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.518.868.731	3.905.476.560
- Tiền lãi vay đã trả	14	(141.479.998)	(11.149.306)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(6.957.316)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>35.537.961.760</b>	<b>21.932.349.967</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.121.313.975)	(8.100.655.539)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.173.245.273	495.595.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.000.000.000	550.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.264.721.760	17.600.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.683.346.942)</b>	<b>(7.037.460.539)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

## **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

### **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**

1. Tiền thu từ đi vay	33	7.093.433.984	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(445.000.000)	(500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>6.648.433.984</b>	<b>(500.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>31.503.048.802</b>	<b>14.394.889.428</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>40.374.366.307</b>	<b>40.807.505.332</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	645.396	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>71.878.060.505</b>	<b>55.202.394.760</b>



**Vũ Thị Thúy Hằng**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2020

**Lê Thị Hà Thanh**

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Lụa**

**Người lập biểu**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 0101178800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2010, đã đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 11 năm 2018.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101178800 được sửa đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 11 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 1.125.001.710.000 đồng (Một nghìn một trăm hai mươi lăm tỷ, không trăm lẻ một triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh các thiết bị, dụng cụ Y tế

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101178800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 11 năm 2018 hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị, dụng cụ Y tế;
- Cho thuê máy móc, thiết bị Y tế ;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học ;

...

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/09/2020, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

**1.6 Cấu trúc Công ty**

**Các chi nhánh**

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hạch toán kế toán</i>
Chi nhánh Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Nhật tại Hồ Chí Minh	Tầng 05 - tòa nhà văn phòng - Cao Ốc Central Garden - 328 Võ Văn Kiệt, Lô C, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Hạch toán phụ thuộc



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Các Công ty con sở hữu trực tiếp**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 30/09/2020
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Tầng 24 – Toà nhà Icon 4 – 243A Đê La Thành – Q. Đống Đa – Hà Nội	Kinh doanh thiết bị, dụng cụ Y tế	100%	100%

**Các Công ty liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 30/09/2020
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	Số 19 Võ Văn Tần, Phường 06, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thiết bị y tế	25%	25%

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm sau.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

###### **Các công ty con**

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

###### **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con, Công ty liên kết được lập đến ngày 30/09/2020.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại hoặc bất lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm (120 tháng). Bất lợi thế thương mại được ghi nhận một lần vào kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

##### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

##### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



#### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### **Các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

### Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

#### *Dự phòng nợ khó đòi*

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.



Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

##### ***Chi phí khác***

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

#### **4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	02 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

#### **4.9 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

#### **4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác của chủ sở hữu là các khoản vốn góp của chủ sở hữu tại các công ty tăng từ các nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và các nguồn quỹ khác.

#### **4.13 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

#### **4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

### **4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế

### **4.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2020 VND	01/04/2020 VND
Tiền mặt	2.346.775.000	1.190.009.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.531.395.168	7.884.357.307
Các khoản tương đương tiền	58.999.890.337	31.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>71.878.060.505</b>	<b>40.374.366.307</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 09 năm 2020

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt ngoại tệ - USD	12.907,91	298.624.498
<b>Cộng</b>	<b>12.907,91</b>	<b>298.624.498</b>

Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền

	30/09/2020 VND	01/04/2020 VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng <1>	-	31.300.000.000
Trái phiếu <2>	58.999.890.337	-
<i>Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A</i>	46.999.941.442	-
<i>Trái phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà</i>	11.999.948.895	-
<b>Cộng</b>	<b>58.999.890.337</b>	<b>31.300.000.000</b>

<1> Thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,5% đến 5,5%/năm

<2> Các khoản trái phiếu có lãi suất 6%/năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**  
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2020		01/04/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	4.520.000.000	4.520.000.000	4.520.000.000	4.520.000.000
Trái phiếu	4.520.000.000	4.520.000.000	4.520.000.000	4.520.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.520.000.000</b>	<b>4.520.000.000</b>	<b>15.520.000.000</b>	<b>15.520.000.000</b>

**5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/09/2020		01/04/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	110.750.000.000	110.750.000.000	-	110.750.000.000
Đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế <1>	110.750.000.000	110.750.000.000	-	110.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>111.500.000.000</b>	<b>111.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>111.500.000.000</b>

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín.  
 <1> Đây là khoản đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế cùng với Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên tại hai bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<b>30/09/2020</b>		<b>01/04/2020</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại Hường Đông	107.340.812.353	(107.340.812.353)	107.340.812.353	(107.340.812.353)
Công ty Cổ phần đầu tư A1	97.904.625.613	(97.904.625.613)	97.904.625.613	(97.904.625.613)
Phải thu khác	283.344.675.620	(174.153.259.569)	293.589.750.046	(182.295.581.976)
<b>Cộng</b>	<b>488.590.113.586</b>	<b>(379.398.697.535)</b>	<b>498.835.188.012</b>	<b>(387.541.019.942)</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/09/2020</b>		<b>01/04/2020</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	(190.230.906.514)	190.230.906.514	(190.230.906.514)
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	(36.635.000.000)	36.635.000.000	(36.635.000.000)
Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	(29.872.783.121)	29.872.783.121	(29.872.783.121)
Các khoản khác	95.050.668.057	(42.289.887.130)	65.386.365.277	(42.289.887.130)
<b>Cộng</b>	<b>351.789.357.692</b>	<b>(299.028.576.765)</b>	<b>322.125.054.912</b>	<b>(299.028.576.765)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**5.5 Phải thu khác ngắn hạn, dài hạn****5.5.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	<b>30/09/2020</b>		<b>01/04/2020</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tiền ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ	403.295.265.000	(403.295.265.000)	403.295.265.000	(403.295.265.000)
Tiền tạm ứng cho CBNV	101.048.345.132	(94.333.458.661)	95.658.606.487	(94.369.705.746)
Phải thu nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	7.242.748.952	(7.242.748.952)	7.256.442.952	(7.256.442.952)
Phải thu cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	-	-	2.261.219.600	-
Vốn liên kết với các bệnh viện	2.185.455.009	-	1.033.593.750	-
Ký quỹ, ký cược	466.480.000	-	452.480.000	-
Phải thu khác	3.858.141.988	(3.423.322.540)	5.271.101.405	(3.387.075.455)
<b>Cộng</b>	<b>518.096.436.081</b>	<b>(508.294.795.153)</b>	<b>515.228.709.194</b>	<b>(508.308.489.153)</b>

**5.5.2 Phải thu khác dài hạn**

	<b>30/09/2020</b>		<b>01/04/2020</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Vốn liên kết với các bệnh viện	161.328.128	-	1.664.970.639	-
Ký quỹ, ký cược	1.093.876.285	-	1.083.876.285	-
	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.255.204.413</b>	<b>-</b>	<b>2.748.846.924</b>	<b>-</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT  
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

5.6 Nợ phải thu khó đòi	30/09/2020		01/04/2020		Thời gian quá hạn
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thu hồi VND	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thu hồi VND	
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>413.337.789.019</b>	<b>33.939.091.484</b>	<b>396.453.791.870</b>	<b>8.912.771.928</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư A1	97.904.625.613	-	97.904.625.613	-	Từ 2-3 năm
Công ty Cổ phần Thương mại Hướng Đông	107.340.812.353	-	107.340.812.353	-	Từ 1-2 năm
Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật HB	33.792.574.163	-	33.792.574.163	-	Từ 1-2 năm
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	28.031.022.362	-	28.031.022.362	-	Không xác định
Công ty TNHH MTV 16A - ( Bệnh viện Đa khoa 16A Hà Đông)	26.948.625.601	-	26.948.625.601	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10.797.500.000	-	10.797.500.000	-	Từ 1-2 năm
Các đối tượng khác	108.522.628.927	33.939.091.484	91.638.631.778	8.912.771.928	Từ 6 tháng - trên 3 năm
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>299.028.576.765</b>	-	<b>299.028.576.765</b>	-	
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	-	190.230.906.514	-	Không xác định
Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	-	29.872.783.121	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	-	36.635.000.000	-	Không xác định
RC Medical Co., Ltd.	21.080.000.000	-	21.080.000.000	-	Không xác định
Gold Lite PTE. Ltd.	14.851.200.000	-	14.851.200.000	-	Không xác định
Các đối tượng khác	6.358.687.130	-	6.358.687.130	-	Không xác định



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT  
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Nợ phải thu khó đòi (tiếp)**

	30/09/2020		01/04/2020		Thời gian quá hạn
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thu hồi VND	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thu hồi VND	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>508.507.348.937</b>	<b>212.553.784</b>	<b>510.586.262.734</b>	<b>2.277.773.581</b>	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	315.360.806.472	-	315.360.806.472	-	Không xác định
Công ty TNHH Thương Mại Hướng Đông	87.934.458.528	-	87.934.458.528	-	Không xác định
Tạm ứng cho nhân viên hoặc nhân viên chủ chốt tiền nhiệm	94.367.409.385	33.950.724	97.169.543.850	16.553.981	Không xác định
Phải thu liên quan đến chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	7.242.748.952	-	9.517.662.552	2.261.219.600	Không xác định
Các đối tượng khác	3.601.925.600	178.603.060	603.791.332	-	Không xác định
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>999.242.500</b>	-	<b>999.242.500</b>	-	
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	999.242.500	-	999.242.500	-	Từ 6 tháng - 1 năm
<b>Cộng</b>	<b>1.221.872.957.221</b>	<b>34.151.645.268</b>	<b>1.207.067.873.869</b>	<b>11.190.545.509</b>	

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

### 5.7 Hàng tồn kho

	30/09/2020		01/04/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	14.458.078.726	-	13.067.745.256	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	992.020.037	-
Hàng hoá	125.687.802.405	(41.459.979.636)	145.547.910.903	(41.920.215.972)
Hàng gửi đi bán	6.542.290.846	-	5.472.166.101	-
<b>Cộng</b>	<b>146.688.171.977</b>	<b>(41.459.979.636)</b>	<b>165.079.842.297</b>	<b>(41.920.215.972)</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT  
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

5.8	Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
	<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
	Số dư tại 01/04/2020	-	832.495.340.863	27.541.580.068	541.416.656	860.578.337.587
	Đầu tư XDCB hoàn thành	-	27.871.478.430	4.479.318.182	-	32.350.796.612
	Thanh lý, nhượng bán	-	(29.751.490.293)	(3.844.663.636)	-	(33.596.153.929)
	Giảm do tài trợ y tế	-	(5.656.169.605)	-	-	(5.656.169.605)
	<b>Số dư tại 30/09/2020</b>	-	<b>824.959.159.395</b>	<b>28.176.234.614</b>	<b>541.416.656</b>	<b>853.676.810.665</b>
	<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
	Số dư tại 01/04/2020	-	555.061.910.721	17.377.451.417	349.768.253	572.789.130.391
	Khấu hao trong kỳ	-	37.557.987.356	1.183.032.077	29.258.009	38.770.277.442
	Thanh lý, nhượng bán	-	(28.752.482.108)	(2.046.353.276)	-	(30.798.835.384)
	Giảm do tài trợ y tế	-	(3.112.432.297)	-	-	(3.112.432.297)
	<b>Số dư tại 30/09/2020</b>	-	<b>560.754.983.672</b>	<b>16.514.130.218</b>	<b>379.026.262</b>	<b>577.648.140.152</b>
	<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
	Số dư tại 01/04/2020	-	277.433.430.142	10.164.128.651	191.648.403	287.789.207.196
	<b>Số dư tại 30/09/2020</b>	-	<b>264.204.175.723</b>	<b>11.662.104.396</b>	<b>162.390.394</b>	<b>276.028.670.513</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:  
 - Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.819.239.622  
 180.416.131.836

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**5.9 Tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ Vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/04/2020	923.000.480	-	923.000.480
Mua trong kỳ	2.491.437.500	-	2.491.437.500
<b>Số dư tại 30/09/2020</b>	<b>3.414.437.980</b>	<b>-</b>	<b>3.414.437.980</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư tại 01/04/2020	570.801.346	-	570.801.346
Khấu hao trong kỳ	149.900.547	-	149.900.547
<b>Số dư tại 30/09/2020</b>	<b>720.701.893</b>	<b>-</b>	<b>720.701.893</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại 01/04/2020	352.199.134	-	352.199.134
<b>Số dư tại 30/09/2020</b>	<b>2.693.736.087</b>	<b>-</b>	<b>2.693.736.087</b>

Giá trị tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 38.000.000 đồng

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/09/2020 VND	01/04/2020 VND
Xây dựng cơ bản	626.930.163	10.347.850.300
	<b>626.930.163</b>	<b>10.347.850.300</b>

**5.11 Chi phí trả trước**

**5.11.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/09/2020 VND	01/04/2020 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	441.332.860	726.441.167
Các khoản khác	453.717.439	627.824.725
<b>Cộng</b>	<b>895.050.299</b>	<b>1.354.265.892</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**5.11.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/09/2020	01/04/2020
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.547.896.410	1.042.543.284
Chi phí sửa chữa, bảo hành thiết bị, làm phòng để tài sản liên kết, đặt máy	8.485.545.156	11.044.056.353
Cải tạo, sửa chữa văn phòng	130.566.765	1.134.531.037
Các khoản khác	220.889.509	223.420.304
<b>Cộng</b>	<b>10.384.897.840</b>	<b>13.444.550.978</b>

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/09/2020		01/04/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Hitachi Medical Instrument Co., Ltd.	17.988.614.244	17.988.614.244	21.807.192.000	21.807.192.000
Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	17.769.332.942	17.769.332.942	18.203.896.771	18.203.896.771
Konica Minolta. Inc.	3.374.949.068	3.374.949.068	6.409.838.563	6.409.838.563
Phải trả khác	7.943.975.033	7.943.975.033	3.117.754.015	3.117.754.015
<b>Cộng</b>	<b>47.076.871.287</b>	<b>47.076.871.287</b>	<b>49.538.681.349</b>	<b>49.538.681.349</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT  
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu tại đầu kỳ	Số phải nộp tại đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số phải thu tại cuối kỳ	Số phải nộp tại cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	31.211.358	2.631.969.196	2.479.615.880	-	183.564.674
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.949.725	-	49.907.041	6.957.316	10.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	307.045.353	272.698.058	3.368.609.904	2.486.093.612	-	848.168.997
Các loại thuế khác	-	-	530.218.272	490.959.696	-	39.258.576
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	750.000	750.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>359.995.078</b>	<b>303.909.416</b>	<b>7.195.681.071</b>	<b>5.950.056.787</b>	<b>10.000.000</b>	<b>1.199.538.622</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**5.14 Chi phí phải trả**

	<b>30/09/2020</b>	<b>01/04/2020</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Trích trước chi phí tư vấn chuyên môn	7.611.260.557	7.254.366.398
Trích trước chi phí hoa hồng kinh doanh	4.188.041.457	6.495.918.187
Trích trước chi phí phải trả cho cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết	8.078.976.982	5.839.777.105
Trích trước chi phí bảo trì	1.248.937.432	1.073.769.282
Trích trước chi phí thưởng	3.000.000.000	640.000.000
Các khoản trích trước khác	3.270.493.868	3.030.316.805
<b>Cộng</b>	<b><u>27.397.710.296</u></b>	<b><u>24.334.147.777</u></b>

**5.15 Phải trả khác ngắn hạn, dài hạn****5.15.1 Phải trả khác ngắn hạn**

	<b>30/09/2020</b>		<b>01/04/2020</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Kinh phí công đoàn	147.388.100	147.388.100	153.848.700	153.848.700
Bảo hiểm xã hội	317.681.495	317.681.495	-	-
Bảo hiểm y tế	55.751.611	55.751.611	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	25.021.294	25.021.294	-	-
Phải trả khác	627.921.880	627.921.880	903.719.138	903.719.138
<b>Cộng</b>	<b><u>1.173.764.380</u></b>	<b><u>1.173.764.380</u></b>	<b><u>1.057.567.838</u></b>	<b><u>1.057.567.838</u></b>

**5.15.2 Phải trả khác dài hạn**

	<b>30/09/2020</b>		<b>01/04/2020</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải trả liên quan đến vốn liên kết đã nhận	22.520.004.022	22.520.004.022	24.781.710.172	24.781.710.172
<b>Cộng</b>	<b><u>22.520.004.022</u></b>	<b><u>22.520.004.022</u></b>	<b><u>24.781.710.172</u></b>	<b><u>24.781.710.172</u></b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT  
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

	30/09/2020			Trong kỳ			01/04/2020		
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giảm VND	Giá trị VND	
<b>5.16 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn, dài hạn</b>									
<b>5.16.1 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>									
1> Vay dài hạn đến hạn trả	1.780.000.000	1.780.000.000	2.225.000.000	445.000.000	-	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	1.780.000.000	1.780.000.000	2.225.000.000	445.000.000	-	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>1.780.000.000</b>	<b>1.780.000.000</b>	<b>2.225.000.000</b>	<b>445.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>5.16.2 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>									
1> Vay dài hạn	4.868.433.984	4.868.433.984	7.093.433.984	2.225.000.000	-	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	4.868.433.984	4.868.433.984	7.093.433.984	2.225.000.000	-	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>4.868.433.984</b>	<b>4.868.433.984</b>	<b>7.093.433.984</b>	<b>2.225.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT  
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 30/09/2020	Số phải trả đến 30/09/2021	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
Khoản vay ngân hàng BIDV - CN Mỹ Đình 01/2020/6453135/HĐTD ngày 25/6/2020	48 tháng	8%/năm trong năm đầu tiên, những năm tiếp theo bằng LS tiết kiệm dân cư thông thường VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,5%/năm	6.648.433.984	1.780.000.000	Thanh toán tiền mua máy chụp cộng hưởng từ MRI	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
<b>Cộng</b>			<b>6.648.433.984</b>	<b>1.780.000.000</b>		



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT  
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

5.17 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.17.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quý đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/04/2019	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.017.919.129.980)	528.582.144.122					
Lãi trong năm trước				2.796.028.877	2.796.028.877					
Số dư tại 31/03/2020	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.015.123.101.103)	531.378.172.999					
Số dư tại 01/04/2020	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.015.123.101.103)	531.378.172.999					
Lãi trong năm	-	-	-	373.932.518	373.932.518					
Số dư tại 30/09/2020	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.014.749.168.585)	531.752.105.517					



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**5.17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**5.18 Cổ phiếu**

	30/09/2020 Cổ phiếu	01/04/2020 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	112.500.171	112.500.171
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	112.500.171	112.500.171
Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	112.500.171	112.500.171
Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	121.035.018.532	180.773.064.417
Doanh thu được chia từ các dự án liên kết	64.130.009.641	66.979.555.153
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.028.163.893	14.064.724.422
<b>Cộng</b>	<b>197.193.192.066</b>	<b>261.817.343.992</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hàng bán bị trả lại	81.565.602	2.931.810
<b>Cộng</b>	<b>81.565.602</b>	<b>2.931.810</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	87.621.994.465	141.059.799.482
Giá vốn liên quan đến dự án liên kết thiết bị y tế	54.413.195.967	55.904.240.394
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.467.144.878	12.826.353.632
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(460.236.336)	(479.401.494)
<b>Cộng</b>	<b>153.042.098.974</b>	<b>209.310.992.014</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.122.809.553	1.189.015.685
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	728.200.571	178.443.897
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	214.400.933
<b>Cộng</b>	<b>1.851.010.124</b>	<b>1.581.860.515</b>

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	148.765.953	9.038.195
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.931.578	39.155.462
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	61.345.985	-
Chi phí tài chính khác	2.100.000.000	135.981.333
<b>Cộng</b>	<b>2.350.043.516</b>	<b>184.174.990</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**6.6 Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	13.636.503.235	11.774.201.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	20.269.885.236	26.607.798.751
	<b>33.906.388.471</b>	<b>38.382.000.704</b>

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.265.293.506	7.426.394.845
Chi phí dự phòng	(8.156.016.407)	4.301.585.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	6.704.425.004	7.321.398.275
	<b>7.813.702.103</b>	<b>19.049.379.053</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ hỗ trợ, hàng biếu tặng và thưởng từ nhà cung cấp	1.971.056.353	7.150.207.350
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	576.566.127	244.551.703
Thu nhập khác	132.860.399	737.395.032
<b>Cộng</b>	<b>2.680.482.879</b>	<b>8.132.154.085</b>

**6.9 Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.474.724.219	103.126.209
Chi phí phạt, truy thu thuế	135.501.472	-
Chi phí khác	473.726.042	639.427.939
<b>Cộng</b>	<b>4.083.951.733</b>	<b>742.554.148</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	49.907.041	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>49.907.041</b>	<b>-</b>

**6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	373.932.518	3.955.326.114
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	373.932.518	3.955.326.114
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	112.500.171	112.500.171
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3</b>	<b>35</b>

**6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	36.875.080.903	23.585.788.128
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	2.568.441.656	1.314.255.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.920.177.989	38.715.226.749
Chi phí dự phòng	(8.336.016.407)	3.882.184.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	36.761.122.975	53.722.621.890
<b>Cộng</b>	<b>106.788.807.116</b>	<b>121.220.076.256</b>

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC****7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương, tiền thưởng của Ban điều hành	3.940.629.201	2.096.890.309
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và các khoản thưởng khác		

### 7.2 Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/09/2019 đã được soát xét.

### 7.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Vũ Thị Thúy Hằng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2020

Lê Thị Hà Thanh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa  
Người lập biểu